

Bản án số: 35 /2022/HNGĐ- ST

Ngày: 16 / 9/ 2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà: Nguyễn Thị Nguyệt
2. Bà: Nguyễn Thị Diễm Hằng
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thanh Hương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Phan Thanh Tiến – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, thụ lý số: 65/2022/TL-ST ngày 01 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1976;

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn M, sinh năm 1976;

Cùng trú tại: Xóm LC, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên tòa, chị Trần Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn M năm 1997, do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2014 thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn, nguyên nhân do anh M chơi bời, vô trách nhiệm với gia đình, mọi công việc trong gia đình cũng như chăm sóc con cái đều một mình chị lo, bản thân anh M không chịu làm ăn để cùng chị nuôi dạy các con. Mâu Tẫn, xô xát ngày càng nghiêm trọng cho đến năm 2020 thì chị chuyển ra nhà trọ bên ngoài để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến

nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn anh M để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Hà G, sinh ngày 20/10/1998; Hoàng Thùy L, sinh ngày 24/12/2000; Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/4/2015; Cháu G và cháu L hiện đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị là được nuôi cháu Q cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai của con chung trên 7 tuổi, cháu Hoàng Minh Q cho biết nếu bố mẹ ly hôn cháu ở với mẹ để tiện cho việc sinh hoạt và học tập thường ngày của cháu vì hiện nay cháu vẫn thường xuyên ở với mẹ.

Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án ly hôn, đến gia đình anh M để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh M đến Tòa án viết bản tự khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải với chị T nhưng anh M không hợp tác giải quyết, anh M có mặt tại gia đình nhưng không ký nhận bất cứ giấy tờ gì của Tòa án. Tòa án đã xác minh tại trường xóm LC, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên về tình trạng hôn nhân của anh M chị T. Qua xác minh ông Trần Minh E – Trưởng xóm cung cấp: Anh M chị T sau khi kết hôn về nhà chồng ở xóm LC, xã KM, huyện Đ. Sau đó 02 vợ chồng ra ở riêng. Khoảng từ năm 2020 khi vợ chồng lục đục cãi chửi nhau, chị T đã ra ngoài Tê nhà ở, không sinh sống cùng anh M nữa, hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Vợ chồng anh M chị T có 03 con chung. Hai cháu đầu đã lớn và đi làm, còn đứa út(cháu Q) hiện nay đang ở cùng với mẹ tại cùng xóm LC. Việc hai vợ chồng trực trặc chị T có đơn xin ly hôn anh M xóm cũng được biết và có khuyên giải hai bên, nay chị T có đơn ly hôn anh M đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã xác minh tại Công an xã KM và được công an cung cấp: Anh Hoàng Văn M có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại xóm LC, xã KM. Hiện nay anh M vẫn sinh hoạt và sinh sống tại xóm LC chưa cắt khẩu hoặc đăng ký tạm trú tạm vắng đi đâu, hiện tại có mặt tại địa phương.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh M tổng đạt các văn bản tố tụng, anh M có mặt tại nhà nhưng không nhận bất cứ tài liệu giấy tờ gì của Tòa án nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử công khai tại phiên toà hôm nay.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết đầy đủ, công khai hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh M tại địa phương và trụ sở TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn M kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp.

Mâu Tăn vợ chồng do anh M không chịu khó tu chí làm ăn, chăm sóc gia đình vợ con. Anh M và chị T thường xuyên cãi vã, cả hai sống ly thân từ năm 2020 đến nay, nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, Con chung Hoàng Hà G, sinh ngày 20/10/1998; Hoàng Thùy L, sinh ngày 24/12/2000 đã trưởng thành nên không giải quyết. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/4/2015 đến khi con trưởng thành. Anh M có quyền đi lại thăm nom con chung; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết và do anh M không có lời khai về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết ở vụ án này.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc Ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, T thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh M theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân nhưng anh M không nhận nên phải thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định Điều 179 BLTTDS đối với các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ

án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho anh M theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015 nhưng anh M vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn M theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn M kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Theo chị T trình bày: Lý do chị T xin ly hôn anh M là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh M không chịu tu chí làm ăn, ham chơi, không quan tâm đến gia đình vợ con, không cùng vợ làm ăn nuôi các con, mọi công việc gia đình một mình chị T lo toan. Vợ chồng đã sống ly thân năm 2020 đến nay. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, cả hai bên không quan tâm gì đến nhau. Khi chị T gửi đơn ly hôn ra Tòa án, được Tòa án thụ lý hồ sơ và triệu tập các bên đến Tòa viết bản tự khai nhưng anh M không hợp tác giải quyết vụ án.

HĐXX xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh M đã sống ly thân từ năm 2020, cả hai bên không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không quan tâm gì đến nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định: **“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng.**

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa Tận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”

Như vậy xác định tình cảm vợ chồng giữa giữa chị T và anh M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn M là phù hợp với thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Hoàng Hà G, sinh ngày 20/10/1998; Hoàng Thùy L, sinh ngày 24/12/2000; Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/4/2015. Hai(02) con lớn đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết.

Con chung Hoàng Minh Q hiện đang ở cùng chị T, căn cứ theo nguyện vọng của chị T và của cháu Q HĐXX thấy cần giao con chung Hoàng Minh Q, sinh

ngày 29/4/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không lấy được lời khai anh M về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không và quan điểm của anh M đối với phần tài sản chung, nợ chung(nếu có) như thế nào nên Tòa án không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 35, 39, 147, 177, 179, 227, 228, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81,82,83,84, Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức T, miễn, giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh Hoàng Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: 02 con chung là Hoàng Hà G, sinh ngày 20/10/1998 và Hoàng Thùy L, sinh ngày 24/12/2000 đã trưởng thành, Tòa án không giải quyết. Giao con chung Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/4/2015 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên HĐXX không giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Hoàng Văn M có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn này.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai T số **0005338** ngày **01/6/2022** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh M vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 1997, xã KM, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận HNGĐ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái

